

PRESENT SIMPLE – FUTURE SIMPLE



EX1. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc ở thì hiện tại đơn hoặc tương lai đơn.

1. I (promise) _____ I (not do) _____ that silly thing again.
2. My hobby (be) _____ reading book. I (continue) _____ reading in the future.
3. Peter really (enjoy) _____ music. He (not stop) _____ listening to music in the future.
4. The train (leave) _____ at 6 o'clock tomorrow morning.
5. _____ (I/bring) you a glass of water?
6. Ann (go) _____ to the museum tomorrow. The museum (open) _____ at 7am and (close) _____ at 5 pm.
7. _____ (you/help) me carry this luggage. It (be) _____ so heavy.
8. You (look) _____ tired. I (bring) _____ you something to drink.
9. He always (try) _____ his best. He (be) _____ successful in the future.
10. _____ (the airplane/take off) at 6am tomorrow?

EX2. Chọn và cho dạng đúng của các động từ trong hộp dưới đây vào chỗ trống. Một từ có thể được dùng hơn một lần.

go	be	detest	like	take	lend	pass	listen
----	----	--------	------	------	------	------	--------

1. Tomorrow I _____ sightseeing with my friends. I think it _____ a beautiful day.
2. They _____ each other. They never talk to each other.
3. My mother doesn't like arranging flowers but I _____ doing it.
4. Does Mr. Nam like _____ photos?
5. _____ you _____ me your book?
6. I seldom _____ to the beach but I _____ to Sam Son this summer.
7. My teacher thinks that all of us _____ the test.
8. Does your sister adore _____ to music?